

Số: *599* /QĐ-STTTT

Thái Nguyên, ngày *31* tháng 05 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2018 của
Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên

GIÁM ĐỐC SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3878/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội năm 2018 của tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Thông báo số 1660/STC-HCSN ngày 25/05/2018 của Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên về việc Thông báo kết quả thẩm tra, phân bổ dự toán năm 2018 cho Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

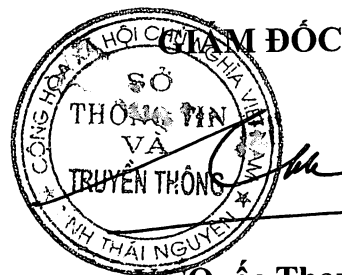
Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2018 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban giám đốc Sở, Chánh văn phòng, Trưởng các phòng, ban thuộc Sở Thông tin & Truyền thông và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KHTC.



Vũ Quốc Thanh

Đơn vị: Sở Thông tin và Truyền thông

Chương: 427



DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số: 599/QĐ-STTTT ngày 31/05/2018 của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó	
				Văn phòng Sở Thông tin và Truyền thông	Trung tâm CNTT và Truyền thông
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí				
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
2.1	Chi sự nghiệp.....				
2.2	Chi quản lý hành chính				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
3.1	Lệ phí				
3.2	Phí				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	150.000.000	150.000.000	-	150.000.000
1	Chi quản lý hành chính	-	-	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-		
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN				
	- Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề		-	-	-
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế	150.000.000	150.000.000	-	150.000.000
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	150.000.000	150.000.000		150.000.000
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi Chương trình mục tiêu				
11.1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia				
11.2	Chi Chương trình mục tiêu				